

Ngày: 06-03-2026

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Đoàn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đinh Kim Hoàng.

2/ Bà Võ Thanh Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1,
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 3740/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: B- B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1977 “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

(Giấy ủy quyền số 3979/2025/UQ-TT.XLN ngày 27/08/2025).

Bi đơn: Bà Huỳnh Thị Tuyết L, sinh năm 1972 “vắng mắt”.

Hộ khẩu thường trú: A B, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư ngụ: A P, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Mạnh C trình bày như sau: Ngày 06/10/2022, Ngân hàng TMCP S và bà Huỳnh Thị Tuyết L ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Căn cứ thu nhập, Ngân hàng TMCP S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Huỳnh Thị Tuyết L với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Huỳnh Thị Tuyết L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là

80.601.900 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 10/01/2025, bà Huỳnh Thị Tuyết L đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là 36.444.579 đồng (Thứ tự thanh toán được thực hiện theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Sau đó, bà Huỳnh Thị Tuyết L không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết mặc dù đã được Ngân hàng TMCP S nhắc nhở và đôn đốc nhiều lần. Do đó, vào ngày 11/01/2024, Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với số tiền là 69.250.404 đồng. Sau khi chuyển nợ quá hạn, từ ngày 11/01/2024 đến ngày 07/01/2025, bà Huỳnh Thị Tuyết L đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 18.740.022 đồng rồi sau đó không tiếp tục trả nợ như cam kết.

Nhận thấy quyền và lợi ích bị xâm phạm, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết các yêu cầu sau đây:

1. Buộc bà Huỳnh Thị Tuyết L có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 06/03/2026 là 112.690.820 đồng (trong đó: nợ gốc là 50.510.382 đồng, nợ lãi là 62.180.438 đồng).

2. Buộc bà Huỳnh Thị Tuyết L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 07/03/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 Bộ luật tố tụng dân sự; thực hiện đúng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự được tiến hành theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định tại Điều 220; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ nguyên tắc xét xử về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Điều 222, Điều 223 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Huỳnh Thị Tuyết L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử 06/03/2026 là 112.690.820 đồng (trong đó: nợ gốc là 50.510.382 đồng, nợ lãi là 62.180.438 đồng).

Ngoài ra, bà Huỳnh Thị Tuyết L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 07/03/2026 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp:

Xét, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Tuyết L thanh toán số tiền còn thiếu của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ngày 06/10/2022). Như vậy, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

1.2. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/10/2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Huỳnh Thị Tuyết L thể hiện tại thời điểm ký kết hợp đồng, bà Huỳnh Thị Tuyết L có địa chỉ tại số A B, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công an phường K, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung thể hiện “*Đương sự Huỳnh Thị Tuyết L, sinh ngày 22/02/1972 có hộ khẩu thường trú tại: Số A B, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh, bán nhà từ năm 2017 đến nay. Hiện ngụ tại A P, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh*”

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công an phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung thể hiện “*Đương sự Huỳnh Thị Tuyết L sinh năm 1972 không có tạm trú tại số A P, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Công an phường không có thông tin của bà Huỳnh Thị Tuyết L*”.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định không biết địa chỉ nào khác của bà Huỳnh Thị Tuyết L, ngoại trừ địa chỉ được thể hiện tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Đồng thời, nguyên đơn xác định lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh là Tòa án nơi cư trú cuối cùng của bà Huỳnh Thị Tuyết L giải quyết vụ án.

Như vậy, có cơ sở khẳng định bị đơn cố tình giấu địa chỉ không báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện như quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

1.3. Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Đối với ông Nguyễn Mạnh C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Huỳnh Thị Kim L2 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. Về pháp luật nội dung:

3. 2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc buộc bà Huỳnh Thị Kim L2 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 50.510.382 đồng.

Xét, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0301103908 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký thay đổi lần thứ 41, ngày 26/12/2022.

Xét, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 06/10/2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Huỳnh Thị Tuyết L đảm bảo về mặt hình thức, nội dung không trái pháp luật, không trái đạo đức nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 06/10/2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Huỳnh Thị Tuyết L có nội dung ghi nhận: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Huỳnh Thị Tuyết L với hạn mức sử dụng là 60.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là bà Huỳnh Thị Tuyết L nhưng bà không đến trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ. Do đó, bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết L đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định: Bà Huỳnh Thị Tuyết L còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 06/10/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) là 50.510.382 đồng

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Tuyết L phải thanh toán số tiền nợ gốc Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 06/10/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) là 50.510.382 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc buộc bà Huỳnh Thị Tuyết L phải thanh toán số tiền nợ lãi của Hợp đồng sử dụng thẻ tín

dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 06/10/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) tạm tính đến ngày 06/03/2026 là 62.180.438 đồng.

Xét, đây là tranh chấp giữa cá nhân với tổ chức tín dụng nên Tòa án áp dụng lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để giải quyết.

Căn cứ Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/08/2019 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T phát hành tại Việt Nam đính kèm Biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ tín dụng thì bà Huỳnh Thị Tuyết L còn nợ số tiền lãi là 62.180.438 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, bà Huỳnh Thị Tuyết L còn phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 06/10/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) kể từ ngày 07/03/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2.3. Về thời hạn thanh toán:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định: Bà Huỳnh Thị Tuyết L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và nguyên đơn cũng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình tránh né thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017 quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: *“Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận”*. Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định mặc dù đã được nguyên đơn đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình né tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ còn thiếu ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ vào Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2011.

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Huỳnh Thị Tuyết L thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/03/2026 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 06/10/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) là 112.690.820 đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn tám trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc là 50.510.382 đồng, nợ lãi là 62.180.438 đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 07/03/2026 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bà Huỳnh Thị Tuyết L còn phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 06/10/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng giữa các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Tuyết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.634.541 đồng (năm triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi một đồng)

- H lại số tiền tạm ứng án phí là 2.467.991 đồng (hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi một đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo biên lai số 0026063 ngày 14/10/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV1;
- THADS TP.HCM;
- Lưu;
- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đoàn Thanh Trúc